

Biểu số 3*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày /4/2022 của Sở Công Thương)***Đơn vị: Văn phòng Sở Công Thương Bình Định**
Chương: 416**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Văn phòng Sở Công Thương tỉnh Bình Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	208	135,500	0,651	
	Lệ phí	3	0	0	
	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	0	0	
	Phí	205	135,5	4	
	Phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN	35	5,750	0,164	
	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm và thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm	15	2,250	0,150	
	Phí thẩm định hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	50	11,700	0,234	
	Phí thẩm định cấp giấy phép HDĐL	5	8,040	1,608	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án	10	3,445	0,345	
	Phí Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	90	104,315	1,159	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	161	116,82	0,73	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	47	18,68	0,397	
	Lệ phí	3	0	0	
	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	0	0	
	Phí	44	18,680	0,425	
	Phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN	3	0,575	0,19	
	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm và thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm	5	0,675	0,14	
	Phí thẩm định hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	25	5,850	0,23	
	Phí thẩm định cấp giấy phép HDĐL	1	0,804	0,80	
	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án	1	0,345		
	Phí Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	9	10,4315	1,16	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.356	1.340	0,143	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.356	1.340	0,143	
1	Chi quản lý hành chính	7.220	1.340	0,186	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.788	1.294	0,22	
	Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13	5.505	1.294	0,24	
	Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 14	283	0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.432	45,23	0,03	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12	1.432	45,230	0,03	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	235	0,00	0,000	
	Loại 070 - Khoản 083 - Nguồn 12	235	0,000	0,000	
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	562	0	0	
	Loại 160 - Khoản 171 - Nguồn 12	562	0	0	
4	Chi sự nghiệp môi trường	270	0	0	
	Loại 250 - Khoản 278 - Nguồn 12	270	0	0	
5	Chi sự nghiệp kinh tế	1.069	0	0	
	Loại 280 - Khoản 321 - Nguồn 12	0	0	0	
	Loại 280 - Khoản 314 - Nguồn 12	139	0	0	
	Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 12	930	0	0	

Bình Định, ngày 15 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Ngô Văn Tổng